

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ KT  
TỈNH KT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2023/HS-ST.

Ngày: 09/11/2023.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KT - TỈNH KT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Hoài;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông A Brúk – Cán bộ hưu trí;

2/ Ông Đặng Văn Vũ – Giáo viên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kt.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kt xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 130/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

**1/ A L**, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2001 tại Kt; nơi cư trú: Đường L, thôn Prh, phường Ll, thành phố Kt, tỉnh Kt; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A L1, sinh năm 1970 và bà Y L, sinh năm 1974, có vợ là chị Y Gk, sinh năm 2004 và 01 con sinh tháng 7/2023; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2023 đến nay, có mặt.

**2/ A Z**, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2008 tại Kt; nơi cư trú: Đường Nglb, thôn Prh2, phường Ll, thành phố Kt, tỉnh Kt; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Ba Na; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A G, sinh năm 1966 và bà Y B, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/7/2023 đến nay, có mặt.

**- Đại diện hợp pháp của bị cáo A Z:** Ông A G và bà Y B, cùng địa chỉ: Đường Nglb, thôn Prh2, phường Ll, thành phố Kt, tỉnh Kt (là bố mẹ đẻ, có mặt).

**- Bào chữa cho bị cáo A Z:** Bà Đặng Thị Kim Ng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kt (Có mặt).

**- Bị hại:**

1/ Chị Phan Minh Tr, sinh năm 1993, địa chỉ: Số 01 Hd, phường Thnh, thành phố Kt, tỉnh Kt, (vắng mặt).

2/ Bà Thái Thị H, sinh năm 1976, địa chỉ: Số 36A A N, phường Trch,

thành phố Kt, tỉnh Kt, (có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Y L2, sinh năm 1974, địa chỉ: Đường L, thôn Prh, phường L1, thành phố Kt, tỉnh Kt, (có mặt).

2/ Bà Y B2, sinh năm 1972, địa chỉ: Đường Nglb, thôn Prh2, phường L1, thành phố Kt, tỉnh Kt, (có mặt).

- *Người làm chứng:* Chị Trần Nhật H, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn 5, xã Ch, thành phố Kt, tỉnh Kt, (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 24/6/2023, tại nhà bị cáo A L, A L rủ bị cáo A Z đi cướp giật tài sản của người đi đường, A Z đồng ý. A L lấy xe mô tô biển số 81B2-254.52 (xe của bà Y Lưt là mẹ A L) để chở A Z đi cướp giật tài sản. Để tránh bị phát hiện, A L tháo biển số xe cất giấu rồi chở A Z đi trên các tuyến đường trong thành phố Kt tìm người dân sơ hở để cướp giật tài sản.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi trên đường Phan Đình Phùng, đoạn trước Trung tâm thương mại VinCom, thuộc phường Qth, thành phố Kt, tỉnh Kt, A L thấy một xe mô tô đi cùng chiều phía trước do chị Trần Nhật H điều khiển chở chị Phan Minh Tr đang đeo 01 túi xách màu đen trên vai trái. A L nói cho A Z biết để chuẩn bị giật túi xách. Khi A L điều khiển xe mô tô áp sát bên trái xe mô tô của chị H thì A Z ngồi sau dùng tay giật được túi xách trên vai trái của chị Tr rồi A L điều khiển xe mô tô chở A Z bỏ chạy.

Đến khoảng 18 giờ 50 phút cùng ngày, khi bỏ chạy đến đường Trần Văn Hai đoạn thôn Kmns12, phường Trch, thành phố Kt, A L thấy một xe mô tô đi cùng chiều phía trước do bà Thái Thị H điều khiển có đeo một túi xách ở phía trước bụng. A L nói cho A Z biết để chuẩn bị giật túi xách. Khi A L điều khiển xe mô tô áp sát bên phải xe mô tô của bà H, A Z ngồi sau đưa tay giật được túi xách và dùng chân đạp vào xe mô tô làm bà H ngã ra đường.

A L và A Z kiểm tra trong túi xách của chị Tr có 01 điện thoại di động Iphone XS màu vàng đồng và số tiền 250.000 đồng; trong túi xách của bà H có 01 điện thoại di động Iphone 11 màu đỏ, 01 điện thoại di động SamSung E5 màu trắng và số tiền 16.000.000 đồng. A L cầm giữ toàn bộ các tài sản đã chiếm đoạt (điện thoại và tiền) rồi đưa cho A Z 140.000 đồng và 02 túi xách. Sau đó A L và A Z cất giấu 02 điện thoại Iphone trong bụi cây trên đường Ngô Đức Kế, đoạn thôn Plei Rơ Hai 2, phường Lê Lợi, thành phố Kt; điện thoại Sam Sung và số tiền 9.000.000 đồng cất giấu ở sau nhà của A L để tiêu xài chung; số tiền còn lại 7.110.000 đồng hai bị cáo cùng tiêu xài hết, 02 túi xách vứt bỏ. Đến ngày 29/6/2023 A L ra đầu thú.

Tại Kết luận định giá, kết luận:

1/ Trị giá tài sản chiếm đoạt của bà H: 01 điện thoại Iphone 11: 5.000.000 đồng, 01 điện thoại SamSung E5: 500.000 đồng và 01 túi xách: 112.500 đồng + 16.000.000 đồng tiền mặt, tổng cộng: **21.612.000** đồng.

2/ Trị giá tài sản chiếm đoạt của chị Tr: 01 điện thoại Iphone XS:

4.857.450 đồng, 01 túi xách: 175.000 đồng + 250.000 đồng tiền mặt, tổng cộng: **5.282.000 đồng**.

**Tại Cáo trạng** số: 131/CT-VKSTPKT ngày 02/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt truy tố bị cáo A L và A Z về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS.

**Tại phiên tòa**, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g, o khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38 và 58 BLHS. Xử phạt bị cáo **A L** từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 58, 90, 91 và khoản 2 Điều 101 BLHS. Xử phạt bị cáo **A Z** từ 18 đến 24 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo A L; A Z là người chưa thành niên nên không phải chịu hình phạt bổ sung. Buộc A L phải chịu án phí hình sự; miễn án phí cho A Z. Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản cho các chủ sở hữu là đúng quy định. Bị hại, người liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

**Ý kiến của bà Đặng Thị Kim Ng** bào chữa cho bị cáo A Z: Bà Ng đồng ý với luận tội của đại diện VKS đối với bị cáo A Z. Tuy nhiên khi phạm tội A Z là trẻ em (15 năm 2 tháng 12 ngày tuổi) chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý và thể chất, nhận thức chưa chín chắn, dễ bị rủ rê lôi kéo vào con đường phạm tội, nên đã bị rủ rê xúi giục phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt. Đề nghị áp dụng các quy định tại các 54, 90, 91 và Điều 101 BLHS xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt là 12 tháng tù nhằm giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm; miễn án phí hình sự cho bị cáo.

**Ý kiến của bà Y Bửu và ông a Geng** là đại diện hợp pháp của bị cáo A Z: Ở nhà A Z ngoan ngoãn vâng lời cha mẹ, đã học xong lớp 9, đang chuẩn bị đi học nghề thì bị rủ đi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt cho A Z.

Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Hai bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **\* Về tố tụng:**

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Kt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và

những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Bị hại chị Tr đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ.

### **\* Về nội dung:**

**[1]** Trên cơ sở lời khai của các bị cáo, lời khai những người tham gia tố tụng khác và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định:

Trong ngày 24/6/2023, bị cáo A L và bị cáo A Z đã 02 lần cùng thực hiện hành vi dùng xe mô tô đi cướp giật tài sản của chị Phan Minh Tr và bà Thái Thị H khi đang điều khiển xe mô tô trên các đoạn đường thuộc trung tâm thành phố Kt, tỉnh Kt. A L rủ bị cáo A Z đi cướp giật tài sản, mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, hành vi cụ thể như sau:

*Lần thứ nhất:* Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 24/6/2023 trên đường Phan Đình Phùng, đoạn trước Trung tâm thương mại VinCom, thuộc phường Qth, thành phố Kt, A L điều khiển xe mô tô chở A Z ngồi sau dùng tay cướp giật tài sản của chị Tr gồm 01 điện thoại Iphone XS, 01 túi xách và 250.000 đồng tiền mặt, tổng trị giá **5.282.000** đồng.

*Lần thứ hai:* Khoảng 18 giờ 50 phút cùng ngày 24/6/2023 trên đường Trần Văn Hai, đoạn thôn Kmns12, phường Trch, thành phố Kt, A L điều khiển xe mô tô chở A Z ngồi sau dùng tay cướp giật tài sản của bà H gồm 01 điện thoại Iphone 11, 01 điện thoại Sam Sung E5, 01 túi xách và 16.000.000 đồng tiền mặt, tổng trị giá **21.612.000** đồng.

Hành vi mỗi lần chiếm đoạt tài sản nêu trên của hai bị cáo đã phạm tội “*Cướp giật tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 171 BLHS. Hai bị cáo dùng xe mô tô đi cướp giật tài sản của bị hại khi họ đang điều khiển xe mô tô, nên phạm tội thuộc trường hợp “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” là căn cứ định khung tăng nặng hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS. Do đó, Viện kiểm sát truy tố đối với 02 bị cáo là có căn cứ đúng luật.

**[2]** Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét thấy:

- Hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, xã hội tại địa phương. Ngoài ra hành vi của hai bị cáo sử dụng xe mô tô áp sát giật tài sản và dùng chân đạp vào xe bị hại khi họ đang điều khiển xe mô tô là rất nguy hiểm, dễ gây thương tích hoặc tính mạng của họ.

- Hai bị cáo phạm tội đồng phạm gián đơn. Để có cơ sở quyết định hình phạt, cần phân hóa vai trò, mức độ tham gia trong đồng phạm của từng bị cáo như sau:

+ Bị cáo A L tham gia phạm tội tích cực nhất, là người khởi xướng rủ rê và

trực tiếp điều khiển xe mô tô chở A Z đi thực hiện phạm tội, bị cáo đã thành niên nhận thức được hành vi phạm tội là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên có vai trò thứ nhất trong đồng phạm, mức hình phạt áp dụng cho bị cáo phải nghiêm khắc nhất.

+ Bị cáo A Z, khi A L rủ đi phạm tội bị cáo không can ngăn mà đồng ý ngay, tích cực tham gia và trực tiếp thực hiện tội phạm. Tuy nhiên khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên bị rủ rê xúi giục, nên bị cáo có vai trò thứ hai trong đồng phạm, cũng phải xử phạt nghiêm khắc bị cáo, nhưng mức hình phạt thấp hơn hình phạt bị cáo A L.

**[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:**

- Hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; riêng A L ra đầu thú. Nên hai bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

- Hai bị cáo thực hiện 02 lần hành vi cướp giật tài sản mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 của BLHS, nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Riêng bị cáo A L rủ bị cáo A Z là người chưa thành niên phạm tội, nên A L phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của BLHS.

- Hai bị cáo đều có nhân thân tốt.

**[4]** Sau khi xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của hai bị cáo. Xét thấy:

Cần phải xử phạt nghiêm minh, cách ly 02 bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Xét bị cáo A L tỏ thái độ ăn năn hối cải, tự ra đầu thú, là dân tộc thiểu số có nhân thân tốt và tuổi đời còn trẻ. Nên HĐXX xét thấy cần giảm bớt một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được lượng khoan hồng của pháp luật, mà cải tạo tốt sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Xét bị cáo A Z khi phạm tội là người chưa thành niên, là trẻ em (15 năm 2 tháng 12 ngày tuổi) ở tuổi này bị cáo đang trong quá trình phát triển và hoàn thiện về thể chất, tâm sinh lý và nhận thức; chưa phát triển đầy đủ toàn diện về trí tuệ, tinh thần, nhân cách; hạn chế về kiến thức pháp luật, xã hội và kinh nghiệm sống, dễ bị tác động, xúi giục lôi kéo vào con đường phạm tội, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội do bị xúi giục. Nên HĐXX áp dụng quy định tại các điều 54, 90, 91 và Điều 101 BLHS, để xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

**[5] Hình phạt bổ sung:**

- Bị cáo A L làm nông, công việc và thu nhập không ổn định, không có tài sản, không có điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Bị cáo A Z khi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên không bị áp dụng hình

phạt bổ sung.

**[6] Các vấn đề khác:**

- *Xử lý vật chứng:* Cơ quan CSĐT đã trả lại 01 điện thoại di động Iphone 11, 01 điện thoại di động Sam Sung E5 và 9.000.000 đồng cho bị hại bà H; trả 01 điện thoại di động Iphone XS cho bị hại chị Tr; và trả 01 xe mô tô cho bà Y Lưt là đúng quy định. Cơ quan CSĐT đã truy tìm 02 túi xách nhưng không có kết quả.

- *Trách nhiệm dân sự:* Ngoài việc chị Tr và bà H đã nhận lại các tài sản bị chiếm đoạt như trên, thì bà Y Lưt và bà Y Bữ (là mẹ và thay mặt các bị cáo) đã bồi thường cho chị Tr 1.000.000 đồng, bồi thường cho bà H 10.000.000 đồng. Chị Tr và bà H không yêu cầu bồi thường gì thêm; bà Y Lưt và bà Y Bữ không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xem xét.

- *Về án phí:* Hai bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo A Z là người chưa thành niên và có đơn xin miễn nộp án phí hợp lệ, nên miễn nộp án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo **A L** và bị cáo **A Z** phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

**2. Về hình phạt:**

2.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **A L**: **03** (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam **29/6/2023**.

2.2. Áp dụng d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điều 38, 54, 58, 90, 91 và khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **A Z**: **14** (Mười bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam **07/7/2023**.

2.3. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo **A L**.

**3. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo **A L** phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn nộp tiền án phí cho bị cáo **A Z**.

**4. Quyền kháng cáo:** Bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo **A Z**, người liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/11/2023). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kt;
- VKSND tỉnh Kt;
- VKSND Tp. Kt;
- Sở tư pháp tỉnh Kt;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Kt;
- Bộ phận HSNV Công an Tp. Kt;
- Chi cục THADS Tp. Kt;
- Hồ sơ THA hình sự; L- u HS.
- Những người tham gia tố tụng;
- 

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Hoài**